

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Lâm học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ VĂN CƯỜNG

2. Ngày tháng năm sinh: 16/05/1990; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Diên Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 127, đường Lê Lợi, tổ 8B, khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Văn Cường, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại di động: 0973490748; E-mail: lvcuong@vnuf2.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 16/7/2014-16/7/2015, Giảng viên tập sự, Ban Nông Lâm, Trường Đại học Lâm nghiệp - Cơ sở 2.

Từ 16/7/2015-9/2017, Giảng viên, phó trưởng bộ môn Lâm sinh (Bổ nhiệm từ tháng 12/2015), Khoa Lâm học, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ 10/2017-6/2021, Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Nông nghiệp An Huy, Trung Quốc.

Từ 1/7/2021-30/6/2025, Giảng viên, phụ trách bộ môn Lâm sinh (Bổ nhiệm từ tháng 03/2023), Khoa Lâm học, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Chức vụ hiện nay: Phụ trách Bộ môn Lâm sinh, Khoa Lâm học; Chức vụ cao nhất đã qua: Phụ trách Bộ môn Lâm sinh.

Cơ quan công tác hiện nay: Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cơ quan: 98 Trần Phú, Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại cơ quan: 0251.3866.242

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 07 năm 2012; số văn bằng: 101501; ngành: Lâm Nghiệp, chuyên ngành: Lâm học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 01 năm 2015; số văn bằng: A097967; ngành: Lâm Nghiệp; chuyên ngành: Lâm học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Lâm nghiệp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 06 năm 2021; số văn bằng: 1036422021131183; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Lâm học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Nông nghiệp An Huy, Trung Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Lâm nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu đặc tính đất lâm nghiệp làm cơ sở đánh giá chất lượng đất, sử dụng đất hiệu quả, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu cấu trúc, sinh khối và trữ lượng carbon rừng phục vụ quản lý rừng hiệu quả và bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **05**;

- Đã công bố **63** bài báo khoa học, trong đó **25** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus (11 bài là tác giả chính và 14 bài tham gia); **01** bài báo đăng trên tạp chí tiếng anh quốc tế có chỉ số ISSN (tham gia); **02** bài báo đăng trên tạp chí ACI chuyên ngành quốc gia uy tín (tác giả chính); **35** bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc gia uy tín, trong đó 19 bài tác giả chính (5 bài tiếng anh) và 16 bài tham gia (3 bài tiếng anh).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Số lượng sách đã xuất bản: **02**, thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật);

- Đã nghiệm thu **01** giáo trình và đang trong quá trình tiến hành làm thủ tục xuất bản (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Lao động tiên tiến các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023-2024.

- Cá nhân đạt thành tích hạng A (Xuất sắc) trong hoạt động nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024: QĐ số: 1491/QĐ-PHĐHLN-TCHC ngày 10/12/2024, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

- Hướng dẫn nhóm sinh viên Khoa Lâm học đạt thành tích hạng A (Xuất sắc) trong hoạt động nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024: QĐ số: 1491/QĐ-PHĐHLN-TCHC ngày 10/12/2024, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Tiêu chuẩn của nhà giáo

Là giảng viên công tác tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai từ năm 2014 đến nay và đối chiếu với tiêu chuẩn giảng viên, tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ đào tạo và đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động chính là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong công việc cũng như trong cuộc sống, tôi luôn cư xử đúng mực, đúng quy định của pháp luật và nhận được sự tin tưởng của quý đồng nghiệp, sinh viên và học viên.

b) Nhiệm vụ của nhà giáo

Với công tác đào tạo: tôi luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định trong giảng dạy, hướng dẫn bậc đại học và sau đại học; tham gia các hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên, luận văn và đề án của học viên cao học; xây dựng bài giảng, giáo trình, sách tham khảo, chương trình môn học, chương trình ngành học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh công tác đào tạo, tôi còn chủ trì và tham gia thành viên chính các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ và cấp tỉnh, tham dự hội thảo trong nước và quốc tế.

Trong quá trình công tác, tôi luôn gương mẫu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và các qui định của nhà trường. Ngoài ra, bản thân cũng không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

Với những thành tích đã đạt được, tôi tự đánh giá bản thân đã đáp ứng được các tiêu chí và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên trường Đại học Lâm nghiệp. Trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục phấn đấu và hoàn thiện bản thân để đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường nói riêng và của ngành Lâm nghiệp nói chung.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 2 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	0	0	0	0	435,0	0	435/545,0/229,5
2	2016-2017	0	0	0	06	407,5	0	407,5/609/229,5
3	2021-2022	0	0	0	00	575	30,0	605/581,6/229,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	01	0	400	60	460/568,7/229,5
5	2023-2024	0	0	02	01	335	0	335/464,5/216
6	2024-2025	0	0	0	0	313	30	343/369,1/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng trung (Chứng chỉ quốc tế HSK 5 cấp năm 2021), Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH; tại nước: Trung Quốc; Từ năm 2017 đến năm 2021

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng anh chuyên ngành Lâm sinh (English for Silviculture) cho ngành Lâm sinh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh:

Viết Luận án Tiến sĩ bằng tiếng Anh. Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ do Trường Đại học Nông nghiệp An Huy, Trung Quốc cấp năm 2021 (Ngày 23/06/2021).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Số lượng HVCH mà UV hướng dẫn đã được cấp bằng là: 03. Cụ thể như sau:

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Ngọc Toàn		x		x	12/2022 - 06/2023	Trường ĐH Lâm nghiệp	Số 1172/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 16/8/2023
2	Nguyễn Thị Xuân Viên		x	x		3/2023 - 9/2023	Trường ĐH Lâm nghiệp	Số 253/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 04/3/2024
3	Phan Văn Thành Đoàn		x	x		3/2023 - 9/2023	Trường ĐH Lâm nghiệp	Số 253/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 04/3/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Số lượng sách mà UV biên soạn đã được xuất bản là: 02. Cụ thể như sau:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Xác suất - Thống kê (dành cho khối ngành Nông – Lâm)	TK	Khoa học và kỹ thuật, 2025	4		Chương 5, Chương 6, và tham gia biên soạn phần ví dụ và bài tập tất cả các Chương	GCN số 99/GCN-PHĐHLN-ĐT ngày 28/5/2025
2	Phân tích số liệu nghiên cứu Lâm nghiệp bằng SAS STUDIO	TK	Khoa học và kỹ thuật, 2025	3		Chương 1	
3	Ứng dụng thống kê sinh học trong quản lý tài nguyên rừng	GT	Khoa học và kỹ thuật, 2025	5	Đồng Chủ biên	Chương 6, Chương 7	Quyết định nghiệm thu số 360/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 26/03/2025 (Đang trong quá trình tiến hành làm thủ tục xuất bản)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu là 05. Cụ thể như sau:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu một số tính chất lý, hoá học cơ bản của đất dưới các trạng thái rừng khác nhau tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)	9/2015-12/2015	1/12/2025 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Động lực tích lũy cacbon hữu cơ trong đất và các yếu tố kiểm soát của nó trong hệ sinh thái rừng trồng Keo tai tượng (<i>Acacia mangium</i> Willd.) tại vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)	1/2022-6/2022	28/6/2022 Xếp loại: Giỏi
3	Các yếu tố điều khiển tiềm năng hấp thụ Nitơ trong đất theo trình tự thời gian của các hệ sinh thái rừng trồng Keo lai (<i>Acacia auriculiformis</i> A. Cunn. ex Benth. × <i>Acacia mangium</i> Willd.) tại tỉnh Đồng Nai	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)	2/2023-12/2023	26/12/2023 Xếp loại: Xuất sắc
4	Xây dựng bản đồ hệ số K phục vụ chỉ trả dịch vụ môi trường rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Núi Cậu, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	TK	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)	2/2023-12/2023	26/12/2023 Xếp loại: Giỏi
5	Xác định đặc điểm dinh dưỡng trong đất	CN	Cấp cơ sở	2/2024-12/2024	27/12/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	của rừng trồng Thông ba lá (<i>Pinus kesiya</i> <i>Royale</i> ex. Gordon) tại tỉnh Lâm Đồng		(Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)		Xếp loại: Xuất sắc
6	Nghiên cứu trữ lượng carbon trong đất của rừng trồng Đước đôi (<i>Rhizophora apiculata</i> Blume) tại Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng thuộc Tỉnh Cà Mau	CN	Cấp cơ sở (Trường Đại học Lâm nghiệp Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai)	2/2025-12/2025	Đang thực hiện
7	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng loài Bỏ béo đen (<i>Goniotalamus vietnamensis</i> Ban) và Sâm xuyên đá (<i>Myxopyrum smilacifolium</i> Blume) tại vùng Đông Nam Bộ.	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Bộ NN&PTNT	2023-2025	Đang thực hiện
8	Nghiên cứu hiện trạng, đề xuất giải pháp phát triển và quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn theo hướng bền vững và giảm thiểu bồi lắng khu vực lòng hồ thủy điện Sông Đà	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Hòa Bình 2024	2024-2026	Đang thực hiện
9	Nghiên cứu đánh giá khả năng lưu giữ carbon và hấp thụ CO ₂ của ba kiểu rừng đặc trưng tại khu vực Nam Cát Tiên, Vườn quốc gia Cát Tiên	Thành viên nghiên cứu chủ chốt	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga năm 2024	2024-2026	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Đặc điểm của đất dưới một số trạng thái thâm thực vật tại Do Nhân, Tân Lạc, Hòa Bình	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			2(257): 116-122	1, 2015
2	Đặc tính cơ bản của đất dưới tán rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			5(284): 99-104	2, 2016
3	Tác động của một số trạng thái rừng trồng đến tính chất lí hóa học đất tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			2(305): 132-139	12, 2016
4	Lượng carbon trong đất dưới tán rừng trồng Keo tai tượng tại Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			12(315): 120-124	5, 2017
5	Một số tính chất lý, hoá học của đất dưới tán rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			6:17-24	11, 2017
6	Một số đặc điểm lâm học của ưu hợp Dầu song nòng (<i>Dipterocarpus dyeri</i>) thuộc rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới tại Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Đồng Nai	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			6: 42-50	11, 2017
7	Assessment of tree species diversity and benefits in selected recreation centres for biodiversity conservation in Ibadan Metropolis, Nigeria https://doi.org/10.15835/nsb12110561	4		Notulae Scientia Biologicae ISSN 2067-3205	Scopus (Năm 2020, SJR = 0,207)	3 (Google Scholar)	12(1): 100–113	3, 2020
8	Biomass and carbon storage in an age-sequence of <i>Acacia mangium</i> plantation forests in Southeastern region, Vietnam	9	x	Forest Systems ISSN 2171-5068,	ISI (SCIE, IF 2020 = 1,178); Scopus	13 (Google Scholar)	29(2): e009 (1-16)	10, 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://doi.org/10.5424/FS/2020292-16685			E-ISSN, 2171-9845	(Năm 2020, Q2 theo Scimago, IF (SJR = 0,455))			
9	Efficiency assessment of land use types in Tanbinh Commune, Dakdo District, Gialai Province, Vietnam https://doi.org/10.22004/ag.econ.309997	8		Asian Agricultural Research ISSN 1943-9903	Tạp chí quốc tế ngoài Scopus	1 (Google Scholar)	12(10): 29-34	10, 2020
II Sau khi được công nhận TS								
10	Phân vùng điều kiện lập địa thích hợp trồng rừng sản xuất cho cây Keo tai tượng và Lát hoa tại Tỉnh Hòa Bình	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			4: 47-57	8, 2021
11	Population dynamics and regeneration of <i>Shorea roxburghii</i> , a threatened timber species in Southern region, Viet Nam https://doi.org/10.13057/biodiv/d221261	5		Biodiversitas ISSN: 1412-033X, E-ISSN: 2085-4722	Scopus (Năm 2022: Q3 theo Scimago, IF(SJR)= 0.29, H index=28)	6 (Google Scholar)	22(12): 5649-5656	12, 2021
12	Enhancement of soil organic carbon by <i>Acacia mangium</i> afforestation in Southeastern region, Vietnam https://doi.org/10.17707/Agriculture68.2.10	8	x	Agriculture & Forestry/Poljoprivreda i Sumarstvo ISSN: 0554-5579 (Print) EISSN: 1800-6492 (Online)	Scopus (Năm 2022: Q3 theo Scimago, IF(SJR)= 0.22, H index=8)	2 (Google Scholar)	68(2): 133-155	6, 2022
13	The ecological interaction between endangered, precious and rare woody species others in rich forest community: A case study in Tanphu protection forest, Southeastern region, Vietnam https://doi.org/10.13057/biodiv/d231205	2	x	Biodiversitas ISSN: 1412-033X, E-ISSN: 2085-4722	Scopus (Năm 2022: Q3 theo Scimago, IF(SJR)=0.29, H index=28)	2 (Google Scholar)	23(12): 6119-6127	12, 2022
14	Soil nitrogen content and storage over an age sequence of <i>Acacia mangium</i> plantations in Southeastern region, Vietnam	10	x	Malaysian Journal of Soil Science	ISI (ESCI); Scopus (Năm 2022: Q4 theo	1 (Google Scholar)	26: 120-132	12, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://www.msss.com.my/mjss/Full%20Text/vol26/V26_10.pdf			ISSN 1394-7990 eISSN 1394-7990	Scimago, IF(SJR)=0.18, H index=12)			
15	Acacia canopy structure and carbon stock in Ba Vi, Vietnam https://doi.org/10.17221/46/2022-JFS	6		Journal of Forest Science ISSN 1212-4834 (Print) ISSN 1805-935X (Online)	ISI (ESCI, IF năm 2023= 1,1); SCOPUS (Năm 2023: Q2 theo Scimago, SJR= 0,313, H index=37)	2 (Google Scholar)	69(1): 21-32	1, 2023
16	Ảnh hưởng giá thể trồng đến sinh trưởng cây Lan kim tuyến (<i>Anoectochilus roxburghii</i> (wall.) lindl.) tại huyện Trảng bom, tỉnh Đồng nai	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			2: 17-25	4, 2023
17	Các yếu tố kiểm soát quá trình hấp thụ lân trong đất của hệ sinh thái rừng trồng keo tai tượng	7	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			2: 26-34	4, 2023
18	Trữ lượng carbon trong đất dưới tán rừng Trồng keo lai tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			2: 76-85	4, 2023
19	Soil physicochemical properties of <i>Acacia mangium</i> plantations at different stand ages in the Southeastern Region of Vietnam http://malaysianforester.my/forestry/archives_journal_volume.php?volume=86&nombor=2	9	x	The Malaysia Forester ISSN: 0302-2935	Scopus (Năm 2023: Q4 theo Scimago, IF(SJR)=0,15, Hindex=11)	1 (Google Scholar)	69(1): 21-32	6, 2023
20	Structuring mechanism of tree species diversity pattern in an evergreen broadleaved forest in Con Dao National Park, Vietnam https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.8.2.2023.077-086	4		Journal of Forest Science and Technology ISSN 2615 - 9368			8(2): 77-86	7, 2023
21	Interspecific association of dominant tree species in an evergreen	5		Journal of Forest			8(2): 87-96	7, 2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	broadleaved forest in Phu Quoc National Park, Vietnam https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.8.2.2023.087-096			Science and Technology ISSN 2615 - 9368				
22	Ồ sinh thái và mối quan hệ của các loài cây trong rừng lá rộng thường xanh ở Khu Bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	7		Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN 1859-0373			5: 84-101	10, 2023
23	Kỹ Thuật Trồng Thâm Canh Cây Trám Đen Ghép	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			12(5): 171-176	10, 2023
24	Soil nitrogen storage and associated regulation factors in an <i>Acasia</i> hybrid plantation chronosequence in southern Vietnam http://dx.doi.org/10.15666/aeer/2201_145162	7	x	Applied Ecology and Environmental Research ISSN 1589 16 23 (Print) ISSN1785 0037 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.6); Scopus (Năm 2023: Q3 theo Scimago, SJR= 0,24, H index=43)		22(1):145-162	1, 2024
25	Variations in soil carbon, nitrogen, and phosphorus concentrations and stoichiometry with stand age in <i>Acacia</i> hybrid plantations in Southern Vietnam https://doi.org/10.13057/biodiv/d250215	7	x	Biodiversitas ISSN: 1412-033X, E-ISSN: 2085-4722	Scopus, (Năm 2023: Q2 theo Scimago, SJR= 0.35, H index=27)		25(2):565-573	2, 2024
26	Multivariate Spatial Structure of Secondary Forests in Tuyen Quang Province, Vietnam https://doi.org/10.1134/S1062359023603932	7		Biology Bulletin ISSN 1062-3590 (Print) ISSN 1608-3059 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.5); Scopus (Năm 2023: Q3 theo Scimago, SJR= 0,19, H index=27)		51(2): 396–409	2, 2024
27	The Relative Importance of Stand and Soil Properties Parameters on Soil Organic Matter Content of <i>Acacia</i> Hybrid Forests in the South Central Coast Region of Vietnam	5	x	Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2023: Q2 theo		28:134-146	5, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://www.msss.com.my/mjss/Ful1%20Text/vol28/V28_11.pdf			eISSN 1394-7990	Scimago, SJR= 0,47, H index=14)			
28	Forest vegetation cover in Bu Gia Map National Park in Southern Vietnam https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.9.1.2024.012-017	7		Journal of Forest Science and Technology ISSN: 2615 - 9368			9(1):12-17	5, 2024
29	Exploring spatial distribution characteristics of <i>Populus simonii</i> Carr coarse roots using ground penetrating radar https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.9.1.2024.018-029	5	x	Journal of Forest Science and Technology ISSN: 2615-9368			9(1):18-29	5, 2024
30	Variations in Soil Phosphorus Levels in <i>Acacia</i> Hybrid Plantations Across Different Ages in Southern Vietnam https://www.msss.com.my/mjss/Ful1%20Text/vol28/V28_19.pdf	5	x	Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990 eISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2023: Q2 theo Scimago, SJR= 0,47, H index=14)	1 (Google Scholar)	22(1):145-162	6, 2024
31	Đặc điểm của đất dưới tán rừng trồng Keo lai (<i>Acacia</i> hybrid) tại huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			13(3):37-45	6, 2024
32	Phân tích sự cạnh tranh giữa các loài cây gỗ trong rừng Kín thường xanh ẩm nhiệt đới tại khu vực Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			13(3):46-54	6, 2024
33	Soil organic carbon stocks in natural forests of Dong Nai Culture and Nature Reserve, Southeastern vietnam http://dx.doi.org/10.15666/aeer/2204_38153834	7		Applied Ecology and Environment al Research ISSN 1589 1623 (Print) ISSN1785 0037 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.6); Scopus (Năm 2023: Q3 theo Scimago, SJR= 0,237, H index=43)		22(4):3815-3834	7, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
34	Đặc điểm phân bố của lân và kali hữu dụng trong đất rừng trồng Keo lai (<i>Acacia</i> hybrid) ở các tuổi khác nhau tại Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	2	x	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN 1859-0373			3: 88-97	7, 2024
35	Đặc điểm sinh học của loài cây Bồ bèo đen (<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban) phân bố trong Vườn quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	7	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			13(4): 69-77	8, 2024
36	Đặc điểm sinh thái của loài cây sâm xuyên đá (<i>Myxopyrum smilacifolium</i> (Wall.) Blume) phân bố tại khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam	7	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp ISSN 2588-1256			8(3): 4519-4529	10, 2024
37	Spatial Distribution And Association Patterns of <i>Knema Pierrei</i> Warb. And Its Neighbors In An Evergreen Broadleaved Forest In Con Dao Islands of Vietnam http://dx.doi.org/10.15666/aeer/2206_52135235	5		Applied Ecology and Environmental Research ISSN 1589 1623 (Print) ISSN1785 0037 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.6); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,238, H index=48)		22(6): 5213-5235	11, 2024
38	Correlation between Woody Species and Environmental Variables in a Tropical Forest in Central Laos https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.9.2.2024.011-021	5	x	Journal of Forest Science and Technology ISSN: 2615 - 9368			9(2): 11-21	11, 2024
39	Mechanisms Maintaining Biomass Stability in Woody Species Communities in Evergreen Broadleaved Forests of Dong Nai Culture and Nature Reserve, Dong Nai province, Southern Vietnam https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.9.2.2024.043-054	7		Journal of Forest Science and Technology ISSN: 2615 - 9368			9(2): 43-54	11, 2024
40	Đặc điểm carbon hữu cơ trong đất và tính ổn định theo trình tự thời gian của rừng trồng Keo lai (<i>Acacia</i> hybrid) Tại Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	3	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333	Tạp chí ACI		60(6A): 71-82	12, 2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				eISSN 2815-5599				
41	Gluconacetobacter diazotrophicus Bacteria combined Nitrogen Fertilization Promotes Rice Yield and Soil Quality in The Paddy Field in The Vietnamese Mekong Delta Region https://www.msss.com.my/mjss/Full%20Text/vol28/V28_30.pdf	9		Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990 eISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,224, H index=15)		28: 359-368	12, 2024
42	Sự kết nhóm sinh thái giữa một số loài cây gỗ trong rừng kín thường xanh hơi ẩm nhiệt đới ở khu vực Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			13(6): 48-59	12, 2024
43	Xây Dựng Bản Đồ Hiện Trạng Rừng Phòng Hộ Núi Cậu - Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			13(6): 93-104	12, 2024
44	Ecological species groups and interspecific associations of dominant woody species in a seasonal tropical forest of Laos https://doi.org/10.15287/afr.2024.3595	9		Annals of Forest Research ISSN 1844-8135 eISSN 2065-2445	ISI (SCIE, IF năm 2023= 1,7); SCOPUS (Năm 2024: Q2 theo Scimago, SJR= 0.381, H index=27)		67(2): 167-184	12, 2024
45	Population structure and Spatial patterns of regeneration under tropical forest stages in Gia Lai, Vietnam https://doi.org/10.12775/EQ.2025.006	7		Ecological Questions ISSN: 1644-7298 eISSN: 2083-5469	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.6); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0.271, H index=16)		36(1): 1-29.	2, 2025
46	Đặc điểm sinh thái loài Trà hoa vàng bù gia mập (<i>Camellia bugiamapensis</i>) tại Vườn quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	5	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			14(1): 34-43.	2, 2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
47	Tầm quan trọng tương đối của các quá trình sinh thái đối với sự chung sống của các loài cây gỗ trong rừng lá rộng thường xanh ở khu vực Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			14(1): 44-54.	2, 2025
48	Một số đặc điểm lâm học của ưu hợp họ sao dầu (Dipterocarpaceae) trong rừng kín thường xanh hơi ẩm nhiệt đới ở khu vực ven biển Bình Châu – Phước Bửu thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	x	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN 1859-0373			2: 67 - 80	3, 2025
49	Đặc điểm phân bố và các yếu tố điều chỉnh tỷ lệ N:P trong đất của rừng trồng thông ba lá (<i>Pinus kesiya</i> Royle ex Gordon) tại khu vực Bảo Lâm thuộc tỉnh Lâm Đồng	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN: 1859-2333	Tạp chí ACI		61(CĐ Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và biến đổi): 133-143.	4, 2025
50	Sinh trưởng của rừng trồng Đước (<i>Rhizophora apiculata</i> Blume) tại khu vực ven biển của huyện Ngọc Hiển thuộc tỉnh Cà Mau	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			14(2): 62-71	4, 2025
51	Combining Endophytic Bacteria With Reduced Nitrogen Fertilizer Application Enhances Soil Characteristics And Rice Productivity In The Vietnamese Mekong Delta Region https://www.msss.com.my/mjss/Ful1%20Text/vol29/V29_11.pdf	6		Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990 eISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,224, H index=15)		29: 115-123	4, 2025
52	Natural regeneration of Dipterocarpaceae dominations under the canopy of the tropical semi-moist evergreen closed forest in the Binh Chau - Phuoc Buu coastal area of Ba Ria - Vung Tau province https://doi.org/10.70169/VJFS.1040	1	x	Tạp chí khoa học lâm nghiệp ISSN 1859-0373 (Tiếng anh)			3: 65-77	5, 2025
53	Relationship between ring-width growth of <i>Pinus kesiya</i> Royle ex	1	x	Journal of Forest			10(1): 11-21	5, 2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Gordon and climatic factors in the Duc Trong area of Lam Dong province https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.10.1.2025.011-021			Science and Technology ISSN: 2615-9368				
54	Nitrogen stable isotopes composition in soil, plant leaves and response to seasonal changes along an urban-rural environmental gradient https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.10.1.2025.033-041	8	x	Journal of Forest Science and Technology ISSN: 2615-9368			10(1): 33-41	5, 2025
55	Characterization of Endophytic Nitrogen-Fixing Bacteria in Rice and Their Application as Biofertilizer in the Mekong Delta of Vietnam https://www.msss.com.my/mjss/Ful1%20Text/vol29/V29_24.pdf	6		Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990 eISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,224, H index=15)		29: 257-267	5, 2025
56	Variability in soil carbon and nitrogen storage across a chronosequence of <i>Pinus kesiya</i> plantations in Central highland, Vietnam http://dx.doi.org/10.15666/aeer/2303_50415059	10	x	Applied Ecology and Environmental Research ISSN 1589 1623 (Print) ISSN1785 0037 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.6); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,238, H index=48)		23(3): 5041-5059	5, 2025
57	Đặc điểm cấu trúc của các ưu hợp Vên vên (<i>Anishoptera costata</i> Korth) trong rừng kín thường xanh hơi ẩm nhiệt đới tại khu vực Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			14(3): 52-63	6, 2025
58	Lượng carbon hữu cơ tích lũy trong đất dưới tán rừng tự nhiên phục hồi tại lưu vực lòng hồ Thủy điện Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp ISSN 1859-3828			14(3): 70-77	6, 2025
59	Variation in carbon storage across biomass components and soil depths by stand age in <i>Acacia</i> hybrid plantations, Song Hinh district, Phu Yen Province, Vietnam	10	x	Malaysian Journal of Soil Science ISSN 1394-7990	ISI (ESCI, IF năm 2023= 0.7); Scopus (Năm 2024:		29: 294-304	6, 2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	https://www.msss.com.my/mjss/Full%20Text/vol29/V29_27.pdf			eISSN 1394-7990	Q3 theo Scimago, SJR= 0,224, H index=15)			
60	The relationship between environmental disturbances and structural diversity on aboveground biomass in tropical forests of Vietnam's Central Highlands and Southern regions https://doi.org/10.1163/22244662-bja1010	6		Israel Journal of Ecology & Evolution ISSN: 2224-4662 (online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 1.3); Scopus (Năm 2024: Q4 theo Scimago, SJR= 0,211, H index=40)		2025: 1-14	6, 2025
61	Mechanisms for Maintaining the Diversity of Woody Plants in an Evergreen Broadleaved Forest on Con Dao Archipelago, Southern Vietnam https://doi.org/10.1134/S1062359024611479	6		Biology Bulletin ISSN 1062-3590 (Print) ISSN 1608-3059 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.5); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,193, H index=27)		52(58): 1-11	6, 2025
62	Spatial Distribution Patterns and Characteristics of Gaps under Tropical Forest Stages in the Central Highlands, Vietnam https://doi.org/10.1134/S1062359024609789	11		Biology Bulletin ISSN 1062-3590 (Print) ISSN 1608-3059 (Online)	ISI (SCIE, IF năm 2023= 0.5); Scopus (Năm 2024: Q3 theo Scimago, SJR= 0,193, H index=27)		52(88): 1-13	6, 2025
63	Sinh khối và trữ lượng carbon trên mặt đất đối với rừng trồng Đước (<i>Rhizophora apiculata</i> Blume) tại khu vực ven biển Kiên vàng, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	1	x	Tạp chí Khoa học và công nghệ nông nghiệp ISSN 2588-1256			9(2): 4925-4936	6, 2025

- Trong đó: 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS (Ngày 23/06/2021), gồm số thứ tự là: [12], [13], [14], [19], [24], [25], [27], [30], [56], [59].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Văn Cường